

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LA GI  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2025/DS-ST**  
Ngày: **13-5-2025**  
“V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đào Thị Yên Nhi

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Phan Vũ Anh Kiệt.

2. Ông Lê Ngọc Thơm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án nhân thị xã La Gi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi:** Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 444/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Ngân hàng TMCP S (S1).** Địa chỉ: 2 N, Phường V, Quận C, Tp

..

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đức Thạch D** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức Thạch D: Ông **Nguyễn H**, Chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh kiêm trưởng phòng giao dịch (Văn bản ủy quyền số: 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn H: Ông Nguyễn Đăng Đăng T. Chuyên viên (Giấy ủy quyền số 11A/2025/GUQ-PGDLG). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông **Nguyễn Dương H1**, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Tạm trú: 81 Nguyễn Hữu T1, khu phố I, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2024 và trong quá trình chuẩn bị xét xử đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Đặng Đăng T trình bày:*

Ngày 03/10/2022, ông Nguyễn Dương H1 có ký với Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 472074-2920. Căn cứ vào thu nhập của ông H1, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ, ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng cũng đã nhiều lần nhắc nhở đôn đốc nhưng ông H1 không trả nợ. Căn cứ vào các Điều khoản trong Hợp đồng mà hai bên đã giao kết thì tính đến ngày nộp đơn khởi kiện, ông H1 còn nợ của Ngân hàng số tiền 49.963.309 đồng, nợ gốc 44.712.455 đồng và nợ lãi 5.250.854 đồng. Nay đại diện Ngân hàng yêu cầu ông H1 phải thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi tính tới ngày xét xử là 60.799.939 đồng, nợ gốc 44.712.455 đồng, nợ lãi 16.087.484 đồng cùng tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

*Bị đơn ông Nguyễn Dương H1:* Quá trình giải quyết, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do. Tại biên bản xác minh nơi cư trú, địa phương cung cấp, ông H1 đã bỏ đi khỏi địa phương. Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (thông báo thụ lý, thời gian làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thời gian vụ án được đưa ra xét xử) cho bị đơn theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn, không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến phiên tòa do đó đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật buộc ông Nguyễn Dương H1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên ký kết, tính đến 13/5/2025 là 60.799.939 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ 14/5/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Về án phí ông H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì quan hệ pháp luật được xác định là

“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Do bị đơn ông Nguyễn Dương H1 cư trú tại địa bàn thị xã L nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Dương H1 đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đăng Đăng T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 02 Điều 227; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả đương sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 03/10/2022 thể hiện, ông Nguyễn Dương H1 vay của Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) dưới hình thức cấp thẻ tín dụng số tiền 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.77%/tháng. Quá trình sử dụng thẻ, ông H1 đã vi phạm các điều khoản mà các bên đã ký kết, vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tại bảng tóm tắt sao kê khoản vay đến ngày 13/5/2025, ông H1 còn nợ của Ngân hàng số tiền 60.799.939 đồng, nợ gốc 44.712.455 đồng, nợ lãi 16.087.484 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Dương H1 nhiều lần đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn không hợp tác, không đến Tòa trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó thể hiện bị đơn từ bỏ quyền của mình trong vụ án.

Xét sự thoả thuận giữa các bên thể hiện tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 03/10/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Cho đến nay bị đơn đã vi phạm về thời hạn trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi theo thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 03/10/2022 là có cơ sở chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Dương H1 phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc 44.712.455 đồng, nợ lãi 16.087.484, tổng cộng 60.799.939 đồng,

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 01 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 02 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 03 Điều 26; Điểm a khoản 01 Điều 35; Khoản 01 Điều 39; Khoản 01 Điều 147; khoản 02 Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;  
Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Dương H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền vay theo hình thức cấp thẻ tín dụng tính đến ngày 13/5/2025 là 60.799.939 (Sáu mươi triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn chín trăm ba mươi chín) đồng, gồm nợ gốc 44.712.455 đồng, nợ lãi 16.087.484 đồng.

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Dương H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 03/10/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Dương H1 phải nộp 3.039.997 (Ba triệu không trăm ba mươi chín nghìn chín trăm chín mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 3.068.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012045 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Án xử công khai, báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi;
- Chi cục THA dân sự thị xã La Gi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đào Thị Yến Nhi**